

Bản án số: 12/2019/KDTM-ST

Ngày: 10/5/2019

”V/v tranh chấp hợp đồng

thi công và cung ứng vật tư”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Công Ny

2/ Ông Huỳnh Việt Hưng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2016/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2016 “Về việc tranh chấp hợp đồng thi công và cung ứng vật tư”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty trách nhiệm hữu hạn Bột mì Đại Phong (gọi tắt là Công ty Đại Phong).

Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Kim C – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H. Chức vụ Trợ lý Ban giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Lô 15A khu công nghiệp T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu T (Gọi tắt là Công ty T).

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Tuấn P – Giám đốc. Vắng mặt

Địa chỉ: 134 Đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Đại Phong trình bày:

Do nhu cầu cần sử dụng điện thấp sáng trong nhà máy sản xuất, nên có sự hợp tác giữa Công ty Đại Phong với Công ty T.

Theo Hợp đồng kinh tế số 001/03/2015/HĐMB, ký ngày 20/3/2015 với giá trị như sau:

1/ Tổng giá trị trên hợp đồng (tạm tính): 1.622.052.030 đồng (trong đó: Giá trị vật tư là 1.406.997.030 đồng; Giá trị nhân công là 215.055.000 đồng);

2/ Giá trị nghiệm thu thực tế: 991.399.791 đồng;

3/ Tổng số tiền tạm ứng: 1.332.798.812 đồng;

4/ Số tiền chênh lệch (2) – (3): - 341.399.021 đồng.

Khi công trình hoàn thành, hai bên tiến hành kiểm tra nghiệm thu thực tế thì có sự chênh lệch giữa số tiền tạm ứng vượt trội so với thực tế.

Theo điều kiện của hợp đồng đã ký kết, thì Công ty Đ cho Công ty T tạm ứng tiền thi công gồm 04 đợt, với tổng số tiền là 1.332.798.812 đồng bằng hình thức chuyển khoản cụ thể như sau:

Đợt 1: 562.798.812 đồng (ngày 20/3/2015);

Đợt 2: 300.000.000 đồng (ngày 31/3/2015);

Đợt 3: 270.000.000 đồng (ngày 03/4/2015);

Đợt 4: 200.000.000 đồng (ngày 13/4/2015).

Đến ngày 05/5/2016, Công ty T còn nợ lại số tiền 341.399.021 đồng.

Số nợ trên Công ty Đại Phong đều có chứng từ chuyển tiền; Công văn đề nghị thanh toán lại tiền chênh lệch và Giấy thông báo giải quyết nợ tồn đọng (tất cả đều có xác nhận của Công ty Toàn Phát).

Công ty T nhiều lần hứa hẹn trả số tiền trên, nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Nay yêu cầu Công ty T hoàn trả cho Công ty Đ số tiền 341.399.021 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty Đ giữ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T hoàn trả số tiền thi công và cung ứng vật tư chi dư là 341.399.021 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Công ty T đều vắng mặt, nên không có ý kiến thể hiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo thời hạn xét xử, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung, nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng kinh tế số 001/03/2015/HĐKT ngày 20/3/2015 thi công và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, nguyên đơn đã chi cho bị đơn 1.332.798.812 đồng, sau đó nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, xác định nguyên đơn chi dư cho bị đơn số tiền 341.399.021 đồng. Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn hoàn trả số tiền 341.399.021 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và đây là tranh chấp về hợp đồng thi công và cung ứng vật tư giữa pháp nhân với pháp nhân vì mục đích lợi nhuận được quy định khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Công ty T đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 20/3/2015, Công ty T (Bên A) ký Hợp đồng (Hợp đồng kinh tế số 001/03/2015/HĐMB) với Công ty Đ (Bên B). Theo thỏa thuận, Bên A cung cấp thiết bị điện và thi công lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tại cơ sở sản xuất kinh doanh cho Bên B.

Tổng giá trị hợp đồng (tạm tính) là 1.622.052.030 đồng (trong đó: Giá trị vật tư là 1.406.997.030 đồng; Giá trị nhân công là 215.055.000 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B đã tạm ứng cho Bên A số tiền 1.332.798.812 đồng (Theo Ủy nhiệm chi ngày 20/3/2015 = 562.798.812 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 31/3/2015 = 300.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 03/4/2015 = 270.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 13/4/2015 = 200.000.000 đồng).

Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên đã xác lập Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ngày 09/9/2015 và xác nhận như sau:

Chi phí thi công và chi phí vật tư do Bên A thực hiện có giá trị = 991.399.791 đồng, ít hơn chi phí dự kiến ban đầu. Do đó, Bên B đã chi dư cho Bên A số tiền 341.399.021 đồng (1.332.798.812 đồng - 991.399.791 đồng).

Bên B (Công ty Đ) đã nhiều lần thông báo cho Bên A (Công ty T) hoàn lại số tiền chi dư là 341.399.021 đồng, nhưng Bên A cố tình trì hoãn không hoàn trả số tiền trên cho Bên B.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bột mì Đ số tiền 341.399.021 đồng.

[4]. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên không xem xét.

[5]. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty T phải chịu theo quy định tại 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty T phải chịu án phí là 17.069.951 đồng.

[6]. Về tạm ứng án phí: Căn cứ Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Đ được nhận lại 8.535.000 đồng theo Biên lai thu số 002585 ngày 14/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại; Điều 87 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên án: - Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu T phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bột mì Đ số tiền 341.399.021 đồng (*Ba trăm bốn mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn không trăm hai mươi một đồng*).

Công ty Đ có quyền yêu cầu Công ty T trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí KDTMST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty T phải nộp số tiền 17.069.951 đồng.

Về tạm ứng án phí: Căn cứ Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Đ được nhận lại 8.535.000 đồng theo Biên lai thu số 002585 ngày 14/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ
- VKSND quận Ninh Kiều
- THADS quận Ninh Kiều
- Đường sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Nguyễn Hồng Quân

